

**Phiếu Dữ Liệu An Toàn Hóa Chất
theo U.S.A. Federal Hazcom 2012 và Canadian HPR – WHMIS 2015****PHẦN 1. Nhận biết chất/hỗn hợp & thông tin về công ty/nhà máy****1.1. Nhận biết sản phẩm:**

Mã sản phẩm HI93734C-0
Tên sản phẩm Thuốc thử Clo Tổng Thang cao C

1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:

Mục đích sử dụng Xác định Clo Tổng trong mẫu nước

1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Tên công ty **Hanna Instruments S.R.L.**
Địa chỉ **Str. Hanna Nr. 1
457260 Ioc. Nusfalau (Salaj)**
Quận và Thành phố **Rumani**
Điện thoại (+40) 260607700
Fax (+40) 260607700

Địa chỉ e-mail của người
có thẩm quyền chịu trách
nhiệm đối với Phiếu dữ
liệu an toàn hóa chất

msds@hanna.ro

Nhà cung cấp

**Hanna Instruments, Inc 584 Park Drive, Woonsocket, Rhode Island, USA
02895 – Thông tin liên hệ bộ phận kỹ thuật: +1 8004266287
E-mail: sds@hannainst.com**

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Đối với các trường hợp
khẩn cấp tham khảo **Số điện thoại khẩn cấp – USA: +1 8004249300 – CHEMTREC 24 giờ/365 ngày**
**Số điện thoại khẩn cấp – Quốc tế: +(1)-703-527-3887 – CHEMTREC 24
giờ/365 ngày**

PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại**2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Sản phẩm được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra trong OSHA Hazard Communication Standard (HCS) (29 CFR 1910.1200). Sản phẩm yêu cầu phiếu dữ liệu hóa chất
Toàn bộ thông tin bổ sung liên quan đến các rủi ro về sức khỏe và/hoặc môi trường được đưa ra trong phần 11 và 12 của tài liệu này.

Phân loại và thông báo nguy hại

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể phổi Gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
nhiễm nhiều lần,Loại 1

Biểu tượng nguy hại:



Nhận diện:

Nguy hiểm

Các thông báo nguy hại:

H372

Gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.



HI93734C-0 – Thuốc thử Clo Tổng Thang cao C

Các thông báo phòng ngừa:

Phòng ngừa:

P260

Tránh hít bụi, khói, khí, sương mù, hơi, tia phun.

P280

Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Xử lý:

P312

Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P362

Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm.

Lưu trữ: --

Thải bỏ: --

2.2. Các nguy hại khác:

Không có thông tin

PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần

3.2. Hỗn hợp:

Thành phần:

Nhận biết

x = Nồng độ % Phân loại:

KALI IODIDE

$9 \leq x < 30$

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, loại 1 H372

EC

231-659-4

CAS

7681-11-0

REACH đăng ký:

01-2119906339-35

* Biến đổi trong từng mẻ

Nội dung đầy đủ của từng mã (H) nguy hại được trình bày trong phần 16 của tài liệu này.

PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

MẮT: Tháo kính áp tròng nếu có. Rửa ngay với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, mở mí mắt hoàn toàn. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy tìm tư vấn y tế.

DA: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa ngay với nhiều nước. Nếu tình trạng kích ứng vẫn tiếp diễn, hãy nhận lời khuyên/chăm sóc y tế. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

HÍT PHẢI: Đưa ra nơi thoáng khí. Trong trường hợp khó thở, hãy nhận tư vấn/chăm sóc y tế ngay lập tức.

NUỐT PHẢI: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Chỉ gây nôn khi có chỉ định của bác sĩ. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người đang bất tỉnh, trừ khi được bác sĩ cho phép.

4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn:

Không có thông tin cụ thể về các triệu chứng và ảnh hưởng do sản phẩm gây ra.

4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt:

Không có thông tin

PHẦN 5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy

5.1. Phương tiện chữa cháy

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÍCH HỢP

Các thiết bị chữa cháy phổ biến: khí CO₂, bột, bột và phun nước

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP
Không có thông tin cụ thể

5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp:

NGUY HIỂM DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CHÁY
Không hít thở các sản phẩm cháy.

KALI IODIDE
Hydro iodide, Kali oxit.

5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa:**THÔNG TIN CHUNG**

Sử dụng tia nước làm mát thùng chứa để ngăn chặn sự phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe. Luôn trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống thoát nước. Xử lý nước bị ô nhiễm dùng để dập tắt và tàn dư của đám cháy theo quy định hiện hành

THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA

Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mạch hở, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).

PHẦN 6. Xử lý hóa chất đổ tràn**6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Ngăn sự cố rò rỉ nếu không gặp nguy hại.

Đeo thiết bị bảo hộ thích hợp (bao gồm thiết bị bảo hộ cá nhân được tham chiếu theo Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn hóa chất) để tránh hóa chất tiếp xúc với da, mắt và quần áo lao động. Các dấu hiệu này áp dụng đối với nhân viên xử lý và các cá nhân liên quan trong các quy trình khẩn cấp.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:

Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.

6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh

Thu thập sản phẩm bị rò rỉ vào thùng chứa thích hợp. Đánh giá tính tương thích của thùng chứa sẽ được sử dụng bằng cách kiểm tra phần 10. Hấp thụ phần còn lại bằng vật liệu hấp thụ trợ.

Hãy chắc chắn rằng vị trí rò rỉ được thông gió tốt. Vật liệu bị ô nhiễm phải được xử lý theo các quy định nêu tại điểm 13.

6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác

Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

PHẦN 7. Xử lý và bảo quản**7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:**

Đảm bảo đã có một hệ thống nối đất đầu đủ cho thiết bị và nhân viên. Tránh sản phẩm tiếp xúc lên mắt và da. Không hít phải hóa chất dạng bột, hơi hay sương. Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi sử dụng. Rửa tay sau khi làm việc. Tránh rò rỉ sản phẩm vào môi trường.

7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất cứ điều nào không phù hợp:

Chỉ bảo quản trong thùng chứa ban đầu để tại nơi thoáng gió và khô ráo, tránh xa các nguồn ánh sáng. Đậy nắp thùng chứa kín. Giữ sản phẩm trong các thùng chứa được dán nhãn rõ ràng. Tránh quá nhiệt. Tránh va chạm mạnh. Giữ thùng chứa tránh xác các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm chi tiết.

7.3. Cách sử dụng cuối cụt thể

Không có thông tin

PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc và bảo vệ cá nhân**8.1 Các thông số kiểm soát**

Tài liệu quản lý để tham khảo:

TLV-ACGIH ACGIH 2021

KALI IODIDE

Giá trị giới hạn ngưỡng						
Loại	Quốc gia	TWA/8 giờ		STEL/15 phút		Nhận xét/Quan sát
		mg/m ³	ppm	mg/m ³	ppm	
TLV-ACGIH	-		0.01			

Chú thích:

(C) = NGUỖNG CAO NHẤT; INHAL = Phần hít vào; RESP = Phần hô hấp THORA = Phần lồng ngực

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm:

Vì việc sử dụng thiết bị kỹ thuật đầy đủ phải luôn ưu tiên đối với thiết bị bảo hộ cá nhân, hãy đảm bảo rằng nơi làm việc được thông gió tốt nhờ hệ thống thông gió cục bộ hiệu suất. Thiết bị bảo hộ cá nhân tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành.

BẢO VỆ TAY

Bảo vệ tay bằng găng tay lao động loại III (OSHA 29 CFR 1910.138).

Những điều sau đây cần được xem xét khi lựa chọn chất liệu găng tay làm việc: tính tương thích, sự xuống cấp, thời gian hư hỏng và tính thấm.

Phải kiểm tra khả năng chống lại tác nhân hóa học của găng tay lao động trước khi sử dụng vì có thể không thể đoán trước được điều này. Thời gian đeo găng tay phụ thuộc vào thời gian và cách sử dụng.

BẢO VỆ DA

Mặc bộ áo liền quần bảo hộ ống dài chuyên dụng loại I và giày bảo hộ. Tắm rửa bằng xà phòng và nước sau khi cởi bỏ quần áo bảo hộ.

BẢO VỆ MẮT

Đeo kính bảo hộ kín khí (OSHA 29 CFR 1910.133).

BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

Nếu chất hoặc một trong các chất có trong sản phẩm vượt quá giá trị ngưỡng (ví dụ: TLV-TWA), hãy đeo khẩu trang có bộ lọc được chứng nhận NIOSH, loại phải được chọn theo giới hạn nồng độ sử dụng (NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134). Khi có các loại khí hoặc hơi khác nhau và/hoặc khí hoặc hơi có chứa hạt (thuốc xịt khí dung, khói, sương mù, v.v.) thì cần có bộ lọc kết hợp.

Phải sử dụng các thiết bị bảo vệ hô hấp nếu các biện pháp kỹ thuật được áp dụng không phù hợp để hạn chế sự tiếp xúc của người lao động với các giá trị ngưỡng được xem xét. Sự bảo vệ được cung cấp bởi mặt nạ trong mọi trường hợp đều bị hạn chế.

Nếu chất được coi là không mùi hoặc ngưỡng khứu giác của nó cao hơn TLV-TWA tương ứng và trong trường hợp khẩn cấp, hãy đeo thiết bị thở khí nén mạch hở hoặc thiết bị thở nạp khí bên ngoài. Để lựa chọn đúng thiết bị bảo vệ hô hấp, hãy xem tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134.

KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường.

PHẦN 9. Đặc tính lý hóa**9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản:**

Tính chất	Giá trị	Thông tin
Ngoại quan	Lỏng	
Màu sắc	Không màu	
Mùi	Không mùi	
Ngưỡng mùi	Không có thông tin	
pH	6.8	Phương pháp:ASTM D1293-18 Nhiệt độ: 25°C
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin	
Điểm sôi bắt đầu	Không có thông tin	
Khoảng nhiệt độ sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	Không áp dụng	
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin	
Dễ bắt cháy	Không có thông tin	
Giới hạn bắt cháy dưới	Không có thông tin	
Giới hạn bắt cháy trên	Không có thông tin	
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin	
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin	
Áp suất hơi	17.5 mmHg	
Mật độ hơi	Không có thông tin	
Mật độ tương đối	1.05	
Khả năng hòa tan	Tan trong nước	
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin	
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin	
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin	
Độ nhớt	Không có thông tin	
Tính cháy nổ	Không áp dụng	
Tính oxy hóa	999	

9.2. Thông tin khác:

Tổng các chất rắn (250°C/482°F)	12,50 %
---------------------------------	---------

PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng**10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm ổn định trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

KALI IODIDE

Có thể phân hủy khi tiếp xúc với không khí và độ ẩm. Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.

10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:

Không có các phản ứng nguy hại có thể dự đoán trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên, phải chú ý đến các biện pháp phòng ngừa thông thường áp dụng đối với các sản phẩm hóa chất.

KALI IODIDE

Thiếu/oxit thiếu.

10.5. Vật liệu không tương thích**KALI IODIDE**

Chất khử mạnh, Niken, Axit mạnh và hợp kim của nó, Thép (tất cả các loại và xử lý bề mặt), Nhôm, Kim loại kiềm, Đồng thau, Magie, Kẽm, Cadmium, Đồng.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại

Không có thông tin

PHẦN 11. Thông tin về độc tính

Trường hợp không có các dữ liệu thực nghiệm về sản phẩm, phải đánh giá các nguy hại sức khỏe theo các đặc tính của các chất có trong sản phẩm, sử dụng các tiêu chí được đưa ra cụ thể trong quy định về phân loại hiện có.

Do đó, cần phải tính đến nồng độ của từng chất nguy hại được thể hiện trong phần 3, để đánh giá các ảnh hưởng về độc tính khi phơi nhiễm với sản phẩm.

11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tínhTrao đổi chất, độc tính, cơ chế hoạt động và các thông tin khác

Không có thông tin

Thông tin về các đường phơi nhiễm

Không có thông tin

Các tác động chậm và tức thời cũng như mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Không có thông tin

Ảnh hưởng khi tiếp xúc

Không có thông tin

ĐỘC CẤP TÍNH

KALI IODOIDE

LD50 (Miệng):

1000 mg/kg Chuột

ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TÔN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

MÃN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘT BIẾN TẾ BÀO GEN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘC VỚI HỆ SINH SẢN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHƠI NHIỄM MỘT LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHƠI NHIỄM NHIỀU LẦN

Gây tổn thương các cơ quan

NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

PHẦN 12. Thông tin về sinh thái

Sử dụng sản phẩm này theo thực hành làm việc tốt. Tránh xả rác. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nếu sản phẩm chảy vào đường thủy hoặc làm ô nhiễm đất hoặc thảm thực vật.

12.1 Độc tính

KALI IODIDE

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác, EC50, Daphnia: 2,7 mg/l - 24 h.

KALI IODIDE

LC50 - cho Cá 2190 mg/l/96h Cá hồi vân

12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:

KALI IODIDE

Độ hòa tan trong nước > 10000 mg/l
Phân hủy nhanh chóng

12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học

KALI IODIDE

Hệ số phân tán: n-octanol/nước -0,958
BCF 2,268

12.4. Khả năng di chuyển trong đất:

Không có thông tin

12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác

Không có thông tin

PHẦN 13. Cân nhắc khi tiêu hủy**13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải**

Sử dụng lại khi có thể. Phần cặn bã của sản phẩm phải được xem là rác thải đặc biệt không nguy hại. Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

BAO BÌ NHIỄM BẮN

Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.

PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển

Sản phẩm không gây nguy hiểm theo quy định hiện hành của Bộ luật vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường bộ (ADR) và đường sắt (RID), Bộ luật hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế (IMDG) và của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA) quy định.

14.1 Số UN

Không có thông tin.

14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN

Không có thông tin.

14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển

Không có thông tin.

14.4. Nhóm bao bì

Không có thông tin.

14.5. Các nguy hại đến môi trường

Không có thông tin.

14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng

Không có thông tin.

14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC

Không có thông tin.

PHẦN 15. Thông tin quản lý**15.1. Các quy định/luật pháp riêng biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với chất hoặc hỗn hợp:**

Quy định liên bang của Mỹ:

TSCA:

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều được liệt kê trong Danh mục kiểm soát chất độc hại (TSCA) của Hoa Kỳ hoặc được miễn danh sách/thông báo yêu cầu.

Đạo luật Không Khí Sạch phần 112(b):

Không có thành phần được liệt kê

Đạo luật Không Khí Sạch phần 602 Hợp chất nhóm I:

Không có thành phần được liệt kê

Đạo luật Không Khí Sạch Phần 602 Hợp chất nhóm II:

Không có thành phần được liệt kê

Đạo luật Nước Sạch – Chất ô nhiễm ưu tiên:

Không có thành phần được liệt kê

Đạo luật Nước Sạch – Độc chất gây ô nhiễm:

Không có thành phần được liệt kê

DEA Danh sách hóa chất I (Tiền chất hóa học):

Không có thành phần được liệt kê

DEA Danh sách hóa chất II (Tiền chất hóa học):

Không có thành phần được liệt kê

Tập hợp danh sách EPA:

Mã danh mục 313:

Không có thành phần được liệt kê

EPCRA 302 EHS TPQ:

Không có thành phần được liệt kê

EPCRA 304 EHS TPQ:

Không có thành phần được liệt kê

CERCLA RQ:

Không có thành phần được liệt kê

EPCRA 313 TRI:

Không có thành phần được liệt kê

RCRA Code:

Không có thành phần được liệt kê

CAA 112 ® RMP TQ:

Không có thành phần được liệt kê

Quy định Bang**Massachusetts:**

Không có thành phần được liệt kê

Minnesota:

Không có thành phần được liệt kê

New Jersey:

Không có thành phần được liệt kê

New York:

Không có thành phần được liệt kê

Pennsylvania:

Không có thành phần được liệt kê

California:

Không có thành phần được liệt kê

Quy định 65:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hợp chất nào mà có khả năng gây ung thư, vô sinh hay ảnh hưởng tới thai nhi được biết đến trong quy định của ban California

Quy định quốc tế**Hóa chất phải được khai báo khi xuất khẩu theo Quy định (EU) 649/2012:**

Không có

Hóa chất tuân theo công ước Rotterdam:

Không có

Hóa chất tuân theo công ước Stockholm:

Không có

PHẦN 16. Thông tin khác

Nội dung của các dấu hiệu nguy hại (H) được đề cập trong phần 2-3 của tài liệu này:

H372 Gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại**CHÚ THÍCH:**

- 313 CATEGORY CODE: Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- ADR: Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- ATE: Ước tính độc tính cấp tính
- CAA 112 ® RMP TQ: Ngưỡng kế hoạch quản lý rủi ro số lượng (Clean Air Act Phần 112®)
- CAS: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ Hiệu quả (cần thiết để giảm 50% tác động)
- CERCLA RQ: Số lượng phải báo cáo (Đạo luật trách nhiệm, bồi thường và ứng phó với môi trường toàn diện)
- CLP: Quy định EC 1272/2008

HI93734C-0 – Thuốc thử Clo Tổng Thang cao C

- DEA: Quản lý thực thi chất gây nghiện
- EmS: Kế hoạch Ứng phó Tình huống Khẩn cấp
- EPA: Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ
- EPCRA: Trường hợp khẩn cấp và quyền được biết của cộng đồng
- EPCRA 302 EHS TPQ: Số lượng quy hoạch ngưỡng hóa chất cực kỳ nguy hiểm (mã danh mục 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Số lượng hóa chất cực kỳ nguy hiểm phải báo cáo (mã danh mục 304)
- EPCRA 313 TRI: Hàng hóa lưu trữ có thể phóng thích chất độc (mã danh mục 313)
- GHS: Hệ thống Hải hoà hoá Toàn cầu về Phân loại và Dán nhãn
- IATA DGR: Quy định về Hàng hóa Nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ Cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
- IMO: Tổ chức hàng hải quốc tế
- LC50: Nồng độ gây chết 50%
- LD50: Liều lượng gây chết 50%
- OEL: Mức độ Phơi nhiễm Nghề nghiệp
- PEL: Mức Phơi nhiễm Dự báo
- RCRA Code: Mã hành động bảo tồn và phục hồi tài nguyên
- REACH: Quy định EC 1907/2006
- REL: Giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị
- RID: Quy định Quốc tế liên quan đến việc Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt
- TLV: Giá trị Giới hạn Ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ không được vượt quá trong bất kỳ thời điểm nào của phơi nhiễm nghề nghiệp
- TSCA: Đạo luật kiểm soát chất độc
- TWA: Giới hạn Phơi nhiễm Trung bình tính theo Thời gian
- TWA STEL: Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn
- VOC: Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHUNG

- GHS tái bản lần 3
- The Merck Index. - Ấn bản lần thứ 10
- Handling Chemical Safety
- Niosh - Đăng ký tác dụng độc hại của chất hóa học
- INRS – Fiche Toxicologique (bảng độc tính)
- Patty – Industrial Hygiene and Toxicology
- N.I. Sax – Dangerous properties of Industrial Materials-7, Ấn bản năm 1989
- Trang web của ECHA
- Cơ sở dữ liệu mô hình SDS cho hóa chất – Bộ sức khỏe và ISS (Istituto Superiore di Sanità) – Ý
- 6 NYCRR phần 597
- Trang web của Cal/OSHA
- Đạo luật thực thi nước uống an toàn và độc hại của California
- Trang web của EPA
- Hazard Communication Standard (HCS 2012)
- Trang web của IARC
- Tập hợp các danh sách của EPA: Tổng hợp các danh mục hóa chất theo EPCRA, CERCLA và phần 112 ® của Clean Air Act
- Massachusetts, 105 CMR Cục sức khỏe cộng đồng 670.000: “Quyền được biết”
- Minensota Chương, 5206 Cục lao động và chất độc hại và nhân viên “Quyền được biết”
- New Jersey, Đạo luật quyền được biết của người lao động và cộng đồng N.J.S.A.
- NTP.2011. Báo cáo chất gây ung thư, bản 12
- Trang web của OSHA
- Pennsylvania, Danh sách chất độc hại, Chương 323

Lưu ý cho người dùng:

Thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất được dựa trên kiến thức của chúng tôi vào phiên bản mới nhất. Người dùng phải làm rõ tính phù hợp và đầy đủ của thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm cụ thể.

Tài liệu này được xem là một sự bảo đảm về bất kỳ đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

Cách sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy định và điều luật hiện hành về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các cách sử dụng không thích hợp.

Chúng tôi sẽ cử nhân viên được chỉ định đã qua đào tạo bài bản về cách thức sử dụng các sản phẩm hóa học.



Hanna Instruments S.R.L.

Số lần sửa đổi: 5
Ngày: 02/03/2023
Ngày in: 02/03/2023
Trang: 11 / 11
Thay thế bản sửa đổi 4 (ngày 15/11/2022)

HI93734C-0 – Thuốc thử Clo Tổng Thang cao C

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN ĐỂ PHÂN LOẠI

Phân loại sản phẩm dựa theo tiêu chí của OSHA Hazard Communication Standard (HCS) (29 CFR 1910.1200), trừ khi có quy định khác trong phần 11 và 12. Dữ liệu cho việc đánh giá tính chất hóa lý được báo cáo trong phần 9.

Những thay đổi đối với các đánh giá trước đó:

Các phần bên dưới đã được thay đổi:

08 / 09 / 12.